



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 6

Số 49 (15/6/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

THÀNH PHỐ

- | | | |
|-----------|--|----|
| 29-5-2008 | Quyết định số 2333/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc tại phường Long Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh và xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương. | 3 |
| 02-6-2008 | Quyết định số 44/2008/QĐ-UBND về duyệt điều chỉnh đơn giá chi phí vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt và xe đưa rước học sinh - sinh viên và công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2007. | 11 |
| 02-6-2008 | Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định về trình tự, thủ tục và nội dung lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 14 |

- 05-6-2008 - Quyết định số 46/2008/QĐ-UBND về điều chỉnh Chương trình phát triển công nghệ thông tin - truyền thông thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007 - 2010. 26
- 06-6-2008 - Quyết định số 2416/QĐ-UBND về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Giáo dục quốc phòng - an ninh thành phố. 28
- 07-6-2008 - Quyết định số 2427/QĐ-UBND về điều chỉnh, bổ sung phần quy hoạch phát triển siêu thị quận 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 144/2003/QĐ-UB ngày 11 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt quy hoạch phát triển hệ thống mạng lưới Chợ - Siêu thị - Trung tâm thương mại của 22 quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010. 35
- 09-6-2008 - Quyết định số 47/2008/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phương thức mua, bán căn hộ chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố. 37

SỞ NỘI VỤ

- 27-5-2008 - Hướng dẫn số 441/HD-SNV việc thực hiện Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện. 41

HUYỆN HỌC MÔN

- 09-6-2008 - Chỉ thị số 04/2008/CT-UBND về phối hợp thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện. 48

THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2333/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**Về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng
đô thị tỷ lệ 1/2000 khu Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc
tại phường Long Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
và xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 3523/QĐ-UB-QLĐT ngày 30 tháng 7 năm 1996 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt quy hoạch chi tiết sử dụng đất đai tỷ lệ 1/2000 quần thể công trình lịch sử văn hóa dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về giao đất cho Công ty Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc để đầu tư xây dựng Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc tại phường Long Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 16 tháng 10 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về giao đất để đầu tư xây dựng Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc tại xã Bình An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1062/TTr-SQHKT ngày 26 tháng 3 năm 2008 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc xin phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc tại phường Long Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh và xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương do Ban Quản lý Khu Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc làm chủ đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc tại phường Long Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh và xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Quy mô khu vực quy hoạch (theo phương án đề xuất): khoảng 395ha (đã trừ lộ giới xa lộ Hà Nội).

- Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch:

+ Phía Đông : giáp sông Đồng Nai.

+ Phía Tây : giáp xa lộ Hà Nội.

+ Phía Nam : giáp khu dân cư.

+ Phía Bắc : giáp khu dân cư.

2. Lý do và sự cần thiết phải lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch:

- Điều chỉnh ranh, giảm quy mô diện tích quy hoạch từ 408ha theo quy hoạch được duyệt xuống còn 395ha (đã trừ diện tích nằm trong lộ giới xa lộ Hà Nội) nhằm tránh giải tỏa các khu dân cư mật độ dày.

- Điều chỉnh các trục giao thông chính phù hợp với các tuyến đường hiện trạng trong khu quy hoạch.

- Hồ sơ quy hoạch chi tiết được duyệt trước đây không được cập nhật trên nền hiện trạng địa hình, địa chính, nay điều chỉnh, cập nhật trên bản đồ địa hình, địa chính chính quy tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lập và triển khai các dự án thành phần.

- Bổ sung và điều chỉnh một số dự án thành phần theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Mục tiêu của nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch:

- Đảm bảo phát triển các khu chức năng theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

- Khai thác có hiệu quả giá trị sử dụng đất, đảm bảo tính khả thi của đồ án.

- Đáp ứng nhu cầu phát triển đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật.

4. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:**4.1. Cơ cấu sử dụng đất:**

Số TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
I	Khu I: Khu Cổ đại	84,15	21,30
1	Khu tưởng niệm các Vua Hùng	5,93	1,50
2	Khu tái hiện các truyền thuyết cổ đại	20,91	5,30
3	Khu vui chơi giải trí, hoạt động văn hóa và phục vụ hỗ trợ	31,74	8,03
	- Vườn hữu nghị	6,67	
	- Vườn hoa nhiệt đới	3,12	
	- Khu giải trí dịch vụ công cộng	6,50	
	- Khu thông tin giới thiệu chung - khu thắng cảnh Việt Nam thu nhỏ	15,45	
4	Khu hành chính	3,46	0,87
5	Đất kênh rạch tự nhiên giữ lại - hành lang cây xanh tuyến đường Nam công viên	4,66	1,18
6	Đất giao thông chính - bãi đậu xe công cộng - khu phụ trợ	17,45	4,42
II	Khu II: Khu Trung đại	29,19	7,40
1	Khu tái hiện các chiến công và những sự kiện lịch sử thời Trung đại	16,68	4,23
2	Khu hoạt động văn hóa - dịch vụ và phụ trợ	7,56	1,91
3	Đất giao thông chính - bãi đậu xe công cộng	4,95	1,26
III	Khu III: Khu Cận - Hiện đại	35,92	9,10
1	Quảng trường Độc Lập và đài Thống Nhất	2,20	0,56
2	Khu tái hiện các mảng lịch sử	21,50	5,44

Số TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
	- Mảng nhà Nguyễn và thời kỳ Pháp thuộc		
	- Mảng đấu tranh giành độc lập dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam		
	- Khu tưởng niệm Bác Hồ		
3	Khu dịch vụ và phụ trợ	9,27	2,35
4	Đất giao thông chính - bãi đậu xe công cộng	2,95	0,75
IV	Khu IV: Khu sinh hoạt văn hóa	245,74	62,2
1	Khu bảo tàng lịch sử tự nhiên	23,96	6,07
2	Khu làng văn hóa các dân tộc Việt Nam	48,17	12,2
3	Khu tái hiện rừng Trường Sơn	20,19	5,11
4	Khu công viên điện ảnh	23,28	5,89
5	Khu dịch vụ công cộng phục vụ chung toàn khu	6,80	1,72
6	Khu làng hoa - du lịch suối khoáng	17,88	4,52
7	Khu công viên mạo hiểm và quảng trường Hòa Bình	13,34	3,37
8	Khu nhà nghỉ thấp tầng	13,12	3,32
9	Khu bảo tồn Chùa Hội Sơn	3,09	0,78
10	Khu bảo tồn Chùa Bửu Long	8,47	2,15
11	Khu dự trữ phát triển dịch vụ hạ tầng	1,92	0,48
12	Khu sinh hoạt thể dục thể thao ngoài trời	3,71	0,94
13	Khu du lịch sinh thái Cù lao Bà Sang	39,74	10,06
14	Đất giao thông chính - bãi đậu xe công cộng	22,07	5,59
Tổng cộng		395	100,00

4.2. Chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

STT	Loại chỉ tiêu		Đơn vị tính	
1	Mật độ xây dựng toàn khu		%	10 - 20 (tối đa 10% cho khu vực xây dựng công trình lịch sử và 20% cho khu vực xây dựng công trình văn hóa)
2	Cây xanh, mặt nước		%	60 - 75
3	Giao thông, bãi đỗ xe		%	15 - 20 (giao thông nội bộ trong các khu chức năng chiếm tỷ lệ tối thiểu 5%)
4	Tầng cao xây dựng	Tối đa	Tầng	05 (khu dịch vụ công cộng)
		Tối thiểu		01 tầng

5. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Phương án điều chỉnh vẫn giữ lại 04 khu chức năng chính: Khu Cổ đại, Khu Trung đại, Khu Cận - Hiện đại, Khu Sinh hoạt văn hóa. Các khu chức năng được bố cục theo hướng phát triển lịch sử của đất nước qua các thời kỳ chính, tận dụng hiện trạng địa hình để xây dựng các công trình trọng điểm (đền Hùng, đài Chiến Thắng...) để nêu bật chủ đề chính của từng khu vực. Vị trí 04 khu chức năng chính không thay đổi so với quy hoạch đã được phê duyệt, giữ lại các hạng mục công trình theo quy hoạch được phê duyệt trong từng khu chức năng chính và có bổ sung một số hạng mục công trình để phù hợp với yêu cầu thực tế và đáp ứng nhu cầu cho khách tham quan, như sau:

- Khu Thời Cổ đại:

+ Giữ lại các hạng mục:

- Đền tưởng niệm các vua Hùng;
- Khu thông tin chung và tái hiện các truyền thuyết;
- Khu tái hiện các thời kỳ (gồm hang động, tượng sáp, mô hình thời kỳ đồ đá đến văn minh lưu vực sông Đồng Nai - sông Cửu Long - Văn hóa Óc Eo);
- Khu tái hiện các cuộc khởi nghĩa lớn thời Bắc thuộc;

- Các công trình phụ trợ.
- + Bổ sung các hạng mục:
 - Vườn Hữu nghị;
 - Khu giải trí - dịch vụ công cộng dọc trục đường Vành đai Bắc.
 - Khu Thời Trung đại:
- + Giữ lại các hạng mục:
 - Mảng Đình - Lê - Lý;
 - Mảng Trần Hưng Đạo;
 - Triều đại Hồ Quý Ly;
 - Mảng Lê Lợi - Nguyễn Trãi;
 - Mảng Mạc - Trịnh - Nguyễn;
 - Mảng Tây Sơn;
 - Các công trình phụ trợ.
- + Bổ sung các hạng mục: Khu dịch vụ công cộng dọc trục đường Vành đai Bắc.
- Khu Thời Cận - Hiện đại:
- + Giữ lại các hạng mục:
 - Mảng nhà Nguyễn;
 - Mảng Pháp thuộc;
 - Mảng đấu tranh giành độc lập dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - Khu về Bác Hồ;
 - Đài Chiến Thắng;
 - Các công trình phụ trợ.
- + Bổ sung các hạng mục:
 - Quảng trường Độc Lập;
 - Đài Thống Nhất.
 - Khu sinh hoạt văn hóa:
- + Giữ lại các hạng mục:
 - Khu tái hiện văn hóa dân tộc;

- Khu hòa nhạc;
 - Công viên chuyên đề;
 - Chùa cổ (điều chỉnh vị trí và quy mô);
 - Khu sinh hoạt văn hóa các lứa tuổi;
 - Khu dịch vụ công cộng và nhà nghỉ (điều chỉnh vị trí và quy mô);
 - Khu hành chính và các công trình phụ trợ (điều chỉnh vị trí và quy mô).
- + Bổ sung chức năng:
- Bảo tàng lịch sử tự nhiên khu vực phía Nam;
 - Tái hiện rừng Trường Sơn.
- + Điều chỉnh và làm rõ hơn nội dung chức năng các khu công viên chuyên đề:
- Công viên điện ảnh;
 - Công viên mạo hiểm và quảng trường Hòa Bình;
 - Làng hoa, khu du lịch Suối khoáng;
 - Khu du lịch sinh thái Cù lao Bà Sang.

6. Các điểm lưu ý khi triển khai đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000:

- Cập nhật tuyến đường vành đai 3 và tuyến đường sắt song hành theo Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020; đảm bảo không ảnh hưởng đến quy hoạch Khu tưởng niệm các Vua Hùng;

- Hành lang an toàn sông Đồng Nai, rạch Đồng Tròn và các rạch khác trong phạm vi quy hoạch;

- Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng cần thực hiện theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng.

Điều 2.

Trên cơ sở nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết được duyệt, giao Ban Quản lý

Khu Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc phối hợp Ủy ban nhân dân quận 9 và đơn vị tư vấn lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 để Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 9, Trưởng Ban Quản lý Khu Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt điều chỉnh đơn giá chi phí vận chuyển khách
công cộng bằng xe buýt và xe đưa rước học sinh - sinh viên
và công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh,
áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2007**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Giá ngày 26 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Quyết định số 004/2007/QĐ-BCT ngày 11 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc tổ chức nhập khẩu và lưu thông dầu diesel;

Căn cứ Thông báo số 409/TB-VP ngày 19 tháng 5 năm 2008 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Lê Hoàng Quân trong buổi họp Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố ngày 13 tháng 5 năm 2008 về ban hành điều chỉnh đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt và xe đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính và Sở Giao thông - Công chính (Công văn số 3755/LSTC-SGTCC ngày 14 tháng 4 năm 2008),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh, ban hành đơn giá chi phí vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt và xe đưa rước học sinh - sinh viên và công nhân trên địa bàn thành phố

Hồ Chí Minh, áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2007, nêu trong các phụ lục đính kèm theo Công văn số 3755/LSTC-SGTCC ngày 14 tháng 4 năm 2008 của Liên Sở Tài chính và Sở Giao thông - Công chính, bao gồm:

- Phụ lục la: Đơn giá chuẩn một ca xe buýt áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2007;
- Phụ lục lb: Đơn giá chuẩn một ca xe đưa rước và hệ số k áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2007;
- Phụ lục 2a: Đơn giá chuẩn một ca xe buýt áp dụng từ ngày 01 tháng 12 năm 2007;
- Phụ lục 2b: Đơn giá chuẩn một ca xe đưa rước và hệ số k áp dụng từ ngày 01 tháng 12 năm 2007;
- Phụ lục 3a: Đơn giá chuẩn một ca xe buýt áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2008;
- Phụ lục 3b: Đơn giá chuẩn một ca xe đưa rước và hệ số k áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2008;
- Phụ lục 4a: Đơn giá chuẩn một ca xe buýt áp dụng từ ngày 01 tháng 3 năm 2008;
- Phụ lục 4b: Đơn giá chuẩn một ca xe đưa rước và hệ số k áp dụng từ ngày 01 tháng 3 năm 2008;
- Phụ lục 5: Đơn giá chuẩn một ca xe buýt 02 tầng, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 và từ ngày 01 tháng 3 năm 2008 trở về sau;
- Phụ lục 6a: Hệ số điều chỉnh đơn giá “Kđg” xe buýt có mở máy lạnh áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2007 đến ngày 29 tháng 02 năm 2008;
- Phụ lục 6b: Hệ số điều chỉnh đơn giá “Kđg” xe buýt không mở máy lạnh áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2007 đến ngày 29 tháng 02 năm 2008;
- Phụ lục 7a: Hệ số điều chỉnh đơn giá “Kđg” xe buýt có mở máy lạnh áp dụng từ ngày 01 tháng 3 năm 2008 trở về sau;
- Phụ lục 7b: Hệ số điều chỉnh đơn giá “Kđg” xe buýt không mở máy lạnh áp dụng từ ngày 01 tháng 3 năm 2008 trở về sau.

Điều 2. Sở Giao thông - Công chính có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị có liên quan thực hiện các đơn giá chi phí được duyệt tại Điều 1 theo điều kiện cụ thể của từng luồng tuyến xe buýt và xe đưa rước; theo dõi việc thực hiện, kịp thời phát hiện các định mức, đơn giá chưa phù hợp (chỉ xem xét điều chỉnh đơn giá chi phí khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương tối thiểu và giá nhiên liệu và (hoặc) khi các yếu tố chi phí tăng làm cho đơn giá chi phí tăng trên 5%), đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố

điều chỉnh kịp thời. Ủy quyền cho Liên Sở Tài chính và Sở Giao thông - Công chính ban hành thông báo điều chỉnh mức chênh lệch giá nhiên liệu tăng, giảm khi giá nhiên liệu thay đổi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục và nội dung lập dự án
bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư sử dụng vốn
ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT/BTC-BTNMT ngày 31 tháng 01 năm 2008 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi

trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Thông tư số 107/2007/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý thanh toán, quyết toán vốn đầu tư dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Liên Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 4957/TTr-TC-KHĐT ngày 20 tháng 5 năm 2008 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 1150/STP-VB ngày 14 tháng 4 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục và nội dung lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực sau mười (10) ngày, kể từ ngày ký.

Các dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo quyết định đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định của Quyết định này.

2. Các quy định trước đây về trình tự, thủ tục và nội dung lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về trình tự, thủ tục và nội dung lập dự án bồi thường,
giải phóng mặt bằng và tái định cư sử dụng vốn ngân sách
nhà nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục và nội dung lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (gọi tắt là dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng) sử dụng vốn ngân sách nhà nước, gồm:

1. Lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.
2. Lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng được tách ra từ dự án đầu tư xây dựng công trình của các Bộ, ngành Trung ương khi các Bộ, ngành Trung ương có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo lập và thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các tổ chức, đơn vị có liên quan đến việc lập, thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Về tách nội dung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Việc xác định tách nội dung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng được dựa vào các căn cứ như sau:

a) Quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nhu cầu sử dụng đất để lập dự án đầu tư;

c) Các trường hợp Nhà nước thực hiện thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các dự án do thành phố đầu tư (sử dụng vốn ngân sách thành phố): Căn cứ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này và quy mô thu hồi đất, Ủy ban nhân dân quận - huyện (nếu chủ đầu tư dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng trực thuộc quận - huyện) hoặc chủ đầu tư xây dựng công trình có văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư với các nội dung: sự cần thiết tách nội dung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng độc lập; dự kiến đơn vị làm chủ đầu tư dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng; đề xuất ghi vốn chuẩn bị lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tổng vốn để thực hiện dự án bồi thường. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Đối với các dự án do các Bộ, ngành Trung ương đầu tư trên địa bàn thành phố: Việc tách nội dung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng độc lập sẽ do các Bộ, ngành Trung ương đề nghị.

Điều 4. Chuẩn bị hồ sơ lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Căn cứ văn bản chấp thuận chủ trương lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 của Quy định này, chủ đầu tư dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng liên hệ với các cơ quan, đơn vị hoặc trực tiếp thực hiện các nội dung như sau:

a) Liên hệ với Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện để chuẩn bị hồ sơ địa chính của khu đất lập dự án;

b) Liên hệ với Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận - huyện thuê đơn vị tư vấn có chức năng xác định giá đất để tính bồi thường theo quy định;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã xác định pháp lý sử dụng đất, lập danh sách các thửa đất trong phạm vi lập dự án, tên người sử dụng đất, mục đích sử dụng đất; đồng thời phối hợp với Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng

quận - huyện (nếu tổ chức thực hiện dự án bồi thường không phải là Ban Bồi thường) để điều tra, xác định dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và xây dựng kế hoạch, thời gian thực hiện cụ thể;

d) Liên hệ với các đơn vị quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật để điều tra, xác định dự toán chi phí bồi thường - di dời tái lập các công trình hạ tầng kỹ thuật và xây dựng kế hoạch, thời gian thực hiện cụ thể.

2. Đối với những khu đất phải đo địa chính thì Ủy ban nhân dân quận - huyện có văn bản thông báo cho người sử dụng đất thuộc khu đất thực hiện dự án về việc đo địa chính. Người sử dụng đất có trách nhiệm chấp hành, phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đo đạc, xác định hiện trạng;

3. Việc chuẩn bị hồ sơ lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng phải thực hiện cùng lúc với việc chuẩn bị hồ sơ lập phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để các công việc không được trùng lặp.

Điều 5. Nội dung dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng

Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng được lập với các nội dung như sau:

1. Tên dự án.
2. Tên chủ đầu tư.
3. Nguồn vốn đầu tư.
4. Mục tiêu, nhiệm vụ đầu tư (cần nêu rõ sự cần thiết của dự án, sự phù hợp với quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị...).
5. Địa điểm công trình (cần nêu cụ thể địa điểm, phạm vi ảnh hưởng của dự án, pháp lý khu đất dự kiến thu hồi, đánh giá hiện trạng...).
6. Khối lượng các hạng mục công trình chủ yếu cần nêu khái quát các khối lượng như:
 - a) Tổng diện tích đất sẽ thu hồi. Trong đó: diện tích đất không tính bồi thường; diện tích đất phải bồi thường;
 - b) Diện tích đất ở, diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, diện tích đất nông nghiệp;
 - c) Tổng số trường hợp bị ảnh hưởng (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân); số trường hợp bị thu hồi toàn bộ, số trường hợp bị thu hồi một phần;
 - d) Các công trình hạ tầng kỹ thuật phải di dời - tái lập (do đơn vị quản lý chuyên

ngành trực tiếp lập phương án di dời - tái lập theo định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành, được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt).

7. Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Cần nêu một số nội dung như sau:

a) Chính sách bồi thường, hỗ trợ: Áp dụng theo quy định của Chính phủ và của Thành phố (không nhất thiết phải nêu chi tiết);

b) Giá đất để tính bồi thường: Áp dụng theo giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

c) Giá tài sản để tính bồi thường: Áp dụng theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố (không nhất thiết phải nêu chi tiết);

d) Phương án tái định cư: Dự kiến về phương thức, địa điểm, giá bán tái định cư;

đ) Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm: Áp dụng theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố (không nhất thiết phải nêu chi tiết) và chi phí đóng góp cho quỹ.

8. Xác định tổng dự toán kinh phí đầu tư của dự án, gồm các khoản mục như sau:

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền
A	Chi phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân, gồm:		
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Diện tích x đơn giá	
-	Chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất ở	nt	
-	Chi phí bồi thường, hỗ trợ đất phi nông nghiệp	nt	
-	Chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp	nt	
2	Chi phí bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc		
-	Chi phí bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Diện tích x đơn giá	
-	Chi phí bồi thường tài sản khác	Số lượng x đơn giá	
3	Các khoản hỗ trợ khác	Tính theo quy định	
B	Chi phí phục vụ công tác bồi thường	Không quá 2% x A	

C	Chi phí lập dự án bồi thường	Theo chi phí thực tế	
D	Chi phí thẩm định dự án bồi thường	Áp dụng theo Thông tư số 109/2000/TT-BTC ngày 13/11/2000	
Đ	Chi phí hỗ trợ đào tạo giải quyết việc làm	Không quá 5% x A	
E	Chi phí bồi thường di dời - tái lập công trình hạ tầng kỹ thuật	Do đơn vị quản lý chuyên ngành lập	
G	Dự phòng phí	= (A + E) x 10%	
	Tổng dự toán chi phí đầu tư	= A+B+C+D+Đ+E+G	

9. Kế hoạch thực hiện: Lập Biểu đồ thời gian thực hiện cụ thể cho từng nội dung công việc, đơn vị thực hiện.

10. Nhận xét, đánh giá tác động của dự án đến môi trường, xã hội và hiệu quả đầu tư của dự án (nếu có).

11. Kết luận, kiến nghị.

Điều 6. Xử lý một số trường hợp đặc biệt

Trường hợp đặc biệt đã có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được duyệt đã và đang thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, nhưng chưa phê duyệt dự án đầu tư thì việc lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng với các nội dung như sau:

1. Tổng hợp dự toán chi phí đã tổ chức thực hiện đến ngày lập dự án giải phóng mặt bằng.

2. Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Áp dụng theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Mức trích chi phí hỗ trợ đào tạo giải quyết việc làm: Tính không quá 3% chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

4. Các nội dung còn lại thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quy định này; trường hợp nếu có các nội dung đã được chấp thuận hoặc đã được quy định cụ thể thì không nhất thiết phải đưa vào dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Điều 7. Thẩm định và phê duyệt dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Giao Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định và phê duyệt dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đề nghị của Ủy ban nhân dân quận - huyện (nếu

chủ đầu tư dự án bồi thường là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện) hoặc theo đề nghị của chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng (nếu chủ đầu tư dự án bồi thường không phải là đơn vị trực thuộc quận - huyện). Thời gian thẩm định và phê duyệt trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

2. Trong quá trình thẩm định, phê duyệt nếu có các nội dung cần xin ý kiến của các Sở, ngành có liên quan thì Sở Tài chính có văn bản đề nghị các Sở, ngành góp ý trong thời hạn mười (10) ngày làm việc. Nếu quá thời gian cho phép mà cơ quan được hỏi không trả lời, thì xem như chấp thuận về vấn đề được hỏi ý kiến và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung được hỏi ý kiến; Sở Tài chính thực hiện các bước tiếp theo mà không phải chờ văn bản của cơ quan được hỏi ý kiến.

Điều 8. Kinh phí lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng

Kinh phí lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng không được trùng lặp với chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (2%) và cũng không được trùng lặp với chi phí quản lý dự án; kinh phí lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng được lập trên cơ sở như sau:

1. Đối với dự án đã được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Kinh phí lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng sẽ do chủ đầu tư dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng lập theo chi phí thực tế phát sinh, báo cáo thẩm định và trình phê duyệt cùng với dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Đối với dự án chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và dự án đầu tư xây dựng công trình (trong đó chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) chưa được phê duyệt:

- Đối với dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách thành phố: Trường hợp dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa được phê duyệt, đơn vị lập dự án bồi thường báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân thành phố ghi vốn chuẩn bị đầu tư để thực hiện (nội dung này được thực hiện khi chủ đầu tư báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quyết định này);

- Đối với dự án đầu tư của các Bộ, ngành Trung ương trên địa bàn thành phố: đơn vị lập dự án bồi thường có văn bản gửi chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình trực thuộc các Bộ, ngành Trung ương đề nghị cấp kinh phí lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện.

- Khi báo cáo thẩm định và trình duyệt dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng, chủ đầu tư dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán chi phí chi tiết thực tế

phát sinh, báo cáo thẩm định và trình phê duyệt cùng với dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Điều 9. Về điều chỉnh dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng không phân định nhóm dự án theo mức vốn đầu tư; không phải lập thiết kế cơ sở;

2. Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng được phép điều chỉnh tổng mức đầu tư khi có những thay đổi về cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phạm vi thực hiện thay đổi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Điều 10. Về quản lý thanh toán, quyết toán vốn đầu tư dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng

Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 107/2007/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn về quản lý thanh toán, quyết toán vốn đầu tư dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng:

a) Lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định tại Quy định này;

b) Tổ chức thực hiện hoặc phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành. Phối hợp với các đơn vị quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực thực hiện dự án để thực hiện công tác di dời - tái lập theo quy hoạch được duyệt;

c) Lập yêu cầu, kế hoạch sử dụng vốn đầu tư của dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình (đối với trường hợp nguồn vốn thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng được bố trí từ nguồn vốn của dự án đầu tư xây dựng công trình) hoặc lập kế hoạch vốn đầu tư của dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng, báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân thành phố ghi vốn để thực hiện (đối với trường hợp nguồn vốn thực hiện dự án giải phóng mặt bằng được bố trí độc lập với dự án đầu tư xây dựng công trình);

d) Trực tiếp quản lý, thanh toán vốn đầu tư của dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng;

đ) Báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng theo yêu cầu của chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình; báo cáo kịp thời với chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình đối với trường hợp chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong quá trình thực hiện vượt chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng công trình;

e) Thực hiện quyết toán vốn đầu tư và báo cáo kết quả quyết toán vốn đầu tư dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt với chủ đầu tư xây dựng công trình.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng công trình:

a) Xác định phạm vi thực hiện dự án và bàn giao cụ thể ranh giải phóng mặt bằng cho chủ đầu tư dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng;

b) Lập kế hoạch vốn đầu tư của dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng trên cơ sở yêu cầu, kế hoạch sử dụng vốn đầu tư của chủ đầu tư dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng; đảm bảo bố trí đủ kinh phí để thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng (đối với trường hợp nguồn vốn thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng được bố trí từ nguồn vốn của dự án đầu tư xây dựng công trình);

c) Theo dõi tình hình thực hiện vốn đầu tư của dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng được tách ra từ dự án đầu tư xây dựng công trình; báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình xem xét, xử lý đối với trường hợp chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong quá trình thực hiện vượt chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được xác định trong dự án đầu tư xây dựng công trình;

d) Tổng hợp kết quả quyết toán vốn đầu tư của dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng được tách ra từ dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của các Sở - ngành thành phố

1. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn chủ đầu tư dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định;

b) Tổng hợp góp ý của các Sở - ngành và tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng;

c) Thẩm định và phê duyệt chi phí lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đề nghị của chủ đầu tư dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng;

d) Xem xét, trình Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận tạm ứng, tổ chức tạm ứng và thu hồi tạm ứng kinh phí lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Có ý kiến trình Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương tách nội dung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng độc lập và đề xuất chủ đầu tư thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng (quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này);

b) Có ý kiến nhận xét, đánh giá sự cần thiết của dự án trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị của Sở Tài chính;

c) Tổng hợp kinh phí thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng trình Ủy ban nhân dân thành phố ghi vốn để thực hiện.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Có ý kiến nhận xét về nhu cầu sử dụng đất của dự án trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị của Sở Tài chính.

4. Sở Xây dựng: Có ý kiến về phương án tổ chức tái định cư của dự án; về một số định mức chi phí lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị của Sở Tài chính.

5. Sở Giao thông - Công chính: Có ý kiến về mục đích, nhu cầu, hiệu quả của các dự án thuộc ngành giao thông công chính trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị của Sở Tài chính.

6. Các đơn vị quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật: Hỗ trợ chủ đầu tư dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng trong việc lập dự toán chi phí bồi thường di dời - tái lập và thời gian thực hiện việc di dời giải phóng mặt bằng trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn

1. Ủy ban nhân dân quận - huyện:

a) Chỉ đạo, tổ chức, tuyên truyền, vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về chủ trương thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng theo chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Trong trường hợp phải đo địa chính thì có văn bản thông báo cho người bị ảnh hưởng để thực hiện việc đo địa chính;

c) Chỉ đạo Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng lập và tổ chức thực hiện phương án tổng thể và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

2. Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn:

a) Tổ chức tuyên truyền về mục đích thực hiện dự án, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại phương án tổng thể và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được duyệt;

b) Phối hợp và cùng với tổ chức thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng việc xác nhận đất đai, tài sản trong khu vực đất thực hiện dự án.

Điều 14. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, phát sinh, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Sở - ngành có liên quan và các chủ đầu tư kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài chính thành phố tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về điều chỉnh Chương trình phát triển công nghệ thông tin -
truyền thông thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007 - 2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 145/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Chương trình phát triển công nghệ thông tin - truyền thông thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007 - 2010;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông tại Công văn số 331/SBCVT-CNTT ngày 20 tháng 5 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung “Dự án quy hoạch các khu công nghiệp thông tin tập trung do Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì; hoàn thành trước tháng 6 năm 2008” tại khoản 2 Mục IV Chương trình phát triển công nghệ thông tin thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007 - 2010 đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 145/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố, thành nội dung sau:

Dự án quy hoạch các khu công nghiệp thông tin tập trung do Sở Bưu chính, Viễn thông chủ trì; hoàn thành trước tháng 6 năm 2009.

Các nội dung còn lại, giữ nguyên theo Chương trình phát triển công nghệ thông tin thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007 - 2010 đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 145/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thành phố, Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2416/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng
Giáo dục quốc phòng - an ninh thành phố

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 116/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về giáo dục quốc phòng - an ninh;

Căn cứ Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Hội đồng Giáo dục quốc phòng - an ninh thành phố;

Xét đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 829/BCH-DQTV ngày 08 tháng 4 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng Giáo dục quốc phòng - an ninh thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hồ Chí Minh Giám đốc Công an thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng Giáo dục quốc phòng - an ninh thành phố

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2416/QĐ-UBND

ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG TRỰC VÀ CƠ QUAN GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH THÀNH PHỐ

Điều 1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng

1. Chỉ đạo, điều hành công việc của Hội đồng, Thường trực Hội đồng; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về mọi hoạt động trong lĩnh vực giáo dục quốc phòng - an ninh của Hội đồng.
2. Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Hội đồng, Ban Thường trực Hội đồng.
3. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng.
4. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh ở các cơ quan, đơn vị thuộc các địa phương thuộc thành phố; Giúp Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, tổ chức sơ kết, tổng kết công tác giáo dục quốc phòng - an ninh.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Chủ tịch Hội đồng

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch Thường trực:
 - a) Giúp Chủ tịch Hội đồng điều hành và giải quyết các công việc thường xuyên của Hội đồng.
 - b) Chuẩn bị và đề xuất với Chủ tịch Hội đồng về nội dung, chương trình, kế hoạch công tác của Hội đồng.
 - c) Phối hợp và đôn đốc các thành viên của Hội đồng thực hiện chương trình, kế

hoạch công tác đã được phân công. Chỉ đạo công tác của cơ quan giúp việc của Hội đồng.

d) Giúp Chủ tịch Hội đồng tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh ở các cơ quan, đơn vị và các địa phương thuộc thành phố.

e) Khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng, Ban Thường trực Hội đồng và ký các văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Phó Chủ tịch Hội đồng:

a) Giúp Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo các hoạt động của Hội đồng theo nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng về những nhiệm vụ được giao.

b) Thay mặt Chủ tịch điều hành và giải quyết công việc của Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền.

c) Chuẩn bị các nội dung về giáo dục quốc phòng - an ninh thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan mình để đưa ra thảo luận trong các phiên họp của Hội đồng; tham gia ý kiến vào các văn bản do cơ quan Thường trực Hội đồng gửi đến.

d) Chỉ đạo xây dựng chương trình hành động về giáo dục quốc phòng - an ninh và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh cho các đối tượng thuộc quyền quản lý theo quy định trong Nghị định số 116/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về giáo dục quốc phòng - an ninh và Kế hoạch công tác giáo dục quốc phòng - an ninh của Hội đồng.

e) Thực hiện những nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy viên Hội đồng

1. Đề xuất các giải pháp, biện pháp giáo dục quốc phòng - an ninh, nhất là phân có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan do Ủy viên Hội đồng làm đại diện.

2. Chuẩn bị các ý kiến về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các phiên họp của Hội đồng, hoặc tham gia ý kiến vào các văn bản do cơ quan Thường trực Hội đồng làm đại diện.

3. Tham gia xây dựng chương trình hành động về giáo dục quốc phòng - an ninh của cơ quan do ủy viên Hội đồng làm đại diện cho phù hợp với chương trình, kế hoạch công tác giáo dục quốc phòng - an ninh đã được Hội đồng thông qua.

4. Hàng năm vào tháng 5 và tháng 11 có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản lên Chủ tịch Hội đồng về kết quả chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh của cơ quan phụ trách.

5. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực Hội đồng

1. Chỉ đạo giải quyết các công việc thường xuyên thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng.

2. Tổ chức, phối hợp công tác giữa các thành viên Hội đồng; thay mặt Hội đồng ban hành các văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc Thành phố trong việc tổ chức thực hiện các quyết định, các nhiệm vụ về giáo dục quốc phòng - an ninh.

3. Quyết định nội dung, chương trình họp Hội đồng và các báo cáo đề án, dự án trình Hội đồng, quyết định và giải quyết những vấn đề phát sinh để báo cáo Hội đồng trong phiên họp gần nhất hoặc bằng văn bản thông báo, xin ý kiến các Ủy viên Hội đồng.

Điều 5. Ban Thư ký Hội đồng

1. Đề xuất chương trình, kế hoạch công tác, lịch làm việc cụ thể và giúp Hội đồng thực hiện chương trình, kế hoạch công tác.

2. Chuẩn bị nội dung các phiên họp của Hội đồng, dự thảo các báo cáo, tổng hợp ý kiến các cơ quan, tổ chức Trung ương và các địa phương về công tác giáo dục quốc phòng - an ninh, ghi biên bản các phiên họp và chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho hoạt động của Hội đồng.

3. Theo dõi nắm tình hình, đề xuất các chủ trương, biện pháp thực hiện giáo dục quốc phòng - an ninh, tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra công tác giáo dục quốc phòng - an ninh, giúp Hội đồng đôn đốc các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định của Nghị định số 116/2007/NĐ-CP.

4. Trưởng và Phó Trưởng Ban Thư ký trực tiếp chỉ đạo cơ quan chuyên trách giáo dục quốc phòng - an ninh thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch của Hội đồng.

5. Các thành viên Ban Thư ký được dự các cuộc họp Hội đồng, được yêu cầu cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết phục vụ cho công việc.

6. Các thành viên Ban Thư ký Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Điều 6. Cơ quan chuyên trách giúp việc Hội đồng Giáo dục quốc phòng - an ninh thành phố (Ban Dân quân tự vệ thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố)

1. Giúp Hội đồng, Thường trực và Ban Thư ký Hội đồng giải quyết công việc hàng ngày về giáo dục quốc phòng - an ninh.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục quốc phòng - an ninh, chương trình, kế hoạch công tác của Hội đồng, xây dựng lịch hoạt động của Hội đồng, Thường trực và Ban Thư ký Hội đồng.

3. Phối hợp, hiệp đồng các cơ quan, tổ chức địa phương trong tổ chức triển khai nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh cho các đối tượng theo quy định trong Nghị định số 116/2007/NĐ-CP và Kế hoạch Giáo dục quốc phòng - an ninh.

4. Lập dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng, quản lý và sử dụng kinh phí đúng quy định pháp luật.

5. Thường trực nhận báo cáo, nắm tình hình, tổng hợp việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh. Hàng quý (và đột xuất), tổng hợp báo cáo với Thường trực Hội đồng về kết quả thực hiện giáo dục quốc phòng - an ninh, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng - an ninh.

6. Được quan hệ với các thành viên của Hội đồng, các sở, ban, ngành thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện để theo dõi, nắm tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh; được dự các phiên họp của Hội đồng; được cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết phục vụ cho công việc.

Điều 7. Các thành viên của Hội đồng căn cứ vào tình hình cụ thể của cơ quan mình, bố trí cán bộ kiêm nhiệm giúp việc làm công tác giáo dục quốc phòng - an ninh.

Chương II

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 8. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phân công các thành viên phụ trách các mặt công tác, thực hiện theo kết luận của Chủ tịch

Hội đồng hoặc của Phó Chủ tịch Hội đồng (khi Chủ tịch Hội đồng ủy quyền). Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm trực tiếp về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mà thành viên đó đại diện.

Điều 9. Khi Thường trực Hội đồng gửi các nội dung chương trình đề án, dự án, kế hoạch, tài liệu về giáo dục quốc phòng - an ninh và yêu cầu tham gia ý kiến bằng văn bản, các Ủy viên Hội đồng phải có ý kiến gửi đến cơ quan Thường trực Hội đồng đúng thời gian quy định.

Điều 10. Hàng năm, Hội đồng họp thường kỳ 2 lần vào quý I và quý III, khi có yêu cầu nhiệm vụ cần thiết hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Hội đồng triệu tập các phiên họp bất thường; Các thành viên của Hội đồng, Ban Thư ký Hội đồng có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, đóng góp ý kiến trong các phiên họp, trong các văn bản dự thảo của Hội đồng và tham gia kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thành phố.

Điều 11. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng phải thông báo kế hoạch hoạt động và chương trình phối hợp với các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Điều 12. Sau mỗi phiên họp, Ban Thư ký và cơ quan chuyên trách giúp việc của Hội đồng phải tổng hợp, thông báo kết luận của Chủ tịch Hội đồng gửi đến các sở, ban, ngành và các đoàn thể chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân quận - huyện; chuẩn bị các văn bản để Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 13. Các văn bản do Chủ tịch Hội đồng ký đóng dấu của Ủy ban nhân dân thành phố, các văn bản do Phó Chủ tịch Hội đồng ký thuộc sở - ban - ngành nào thì đóng dấu của sở - ban - ngành đó và chịu trách nhiệm về nội dung có liên quan.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Các thành viên Hội đồng Giáo dục quốc phòng - an ninh thành phố, Ban Thư ký Hội đồng và cơ quan chuyên trách giúp việc Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 15. Trong quá trình thực hiện, có nội dung cần thay đổi bổ sung, Ban Thư ký Hội đồng giúp Thường trực Hội đồng báo cáo và tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng Giáo dục quốc phòng - an ninh thành phố xem xét quyết định./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2427/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh, bổ sung phần quy hoạch phát triển siêu thị quận 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 144/2003/QĐ-UB ngày 11 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt quy hoạch phát triển hệ thống mạng lưới Chợ - Siêu thị - Trung tâm thương mại của 22 quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Quyết định số 123/1998/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 1109/TM-CSTNTN ngày 16 tháng 3 năm 2000 của Bộ Thương mại về quy hoạch mạng lưới chợ và Công văn số 2180/UB-TM ngày 23 tháng 6 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố về chấp thuận đề cương đề án quy hoạch phát triển chợ;

Căn cứ Quyết định số 144/2003/QĐ-UB ngày 11 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống mạng lưới Chợ - Siêu thị - Trung tâm thương mại của 22 quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1783/SQHKT-QHC&HT ngày 22 tháng 5 năm 2008 về bổ sung quy hoạch xây dựng thương mại - dịch vụ - siêu thị tại 167/2 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, quận 12,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh, bổ sung phần quy hoạch phát triển siêu thị quận 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 144/2003/QĐ-UB ngày 11 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt quy hoạch phát triển hệ thống mạng lưới Chợ - Siêu thị - Trung tâm thương mại của 22 quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 như sau:

“Xây dựng siêu thị tại khu đất số 167/2 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, quận 12”.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung phần quy hoạch phát triển siêu thị quận 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 144/2003/QĐ-UB ngày 11 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt quy hoạch phát triển hệ thống mạng lưới Chợ - Siêu thị - Trung tâm thương mại của 22 quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010. Các khoản không đề cập trong Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 144/2003/QĐ-UB ngày 11 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Thương mại, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Saigon Co.op, Giám đốc Công ty Giày An Giang và các sở - ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phương thức mua, bán căn hộ chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phương thức mua, bán căn hộ chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5259/TTr-STC-BVG ngày 28 tháng 5 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phương thức mua, bán căn hộ chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố, như sau:

1. Sửa đổi tiêu đề của Quyết định như sau:

“Về phương thức mua, bán căn hộ chung cư và nhận chuyển nhượng nền đất ở để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố”.

2. Sửa đổi Điều 1 như sau:

“Điều 1. Quyết định này quy định về phương thức mua, bán căn hộ chung cư và nhận chuyển nhượng nền đất ở để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố, mà giá đất ở để tính bồi thường được xác định sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường”.

3. Bổ sung vào điểm b khoản 1 Điều 3 như sau:

“b) ... Trường hợp không đủ nguồn căn hộ chung cư đã hoàn chỉnh và nền đất đã có hạ tầng kỹ thuật thì căn cứ kế hoạch, tiến độ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án đang thực hiện trên địa bàn quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, quyết định mua căn hộ chung cư trong các dự án mà chủ đầu tư đã có thiết kế nhà ở được duyệt và tối thiểu đã xây dựng xong phần móng hoặc nhận chuyển nhượng nền đất ở trong các dự án chủ đầu tư đã bắt đầu triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo tiến độ và nội dung của dự án đã được phê duyệt, nhưng phải đảm bảo phù hợp với tiến độ giải phóng mặt bằng, để khi người dân có đất bị thu hồi bàn giao mặt bằng thì được bố trí vào ở ngay hoặc xây dựng nhà ngay”.

4. Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 3 như sau:

“đ) Thông báo chào mua công khai nhu cầu về quỹ nhà, đất tái định cư và thời gian thực hiện việc mua, chuyển nhượng trên 03 tờ báo ngày của thành phố trong 03 số báo liên tục. Chi phí này được tính vào kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án (2%)”.

5. Bổ sung vào khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. ...Mức thanh toán cho tổ chức tư vấn (nếu có) thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá. Chi phí này được tính vào kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án (2%)”.

6. Bãi bỏ khoản 2 Điều 5.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Phương thức thanh toán tiền mua căn hộ chung cư, nhận chuyển nhượng nền đất ở

Phương thức thanh toán được xác định trong quá trình thương thảo hợp đồng, phù hợp với giá mua, số lượng cụ thể căn hộ chung cư, nền đất ở được mua, bán, chuyển nhượng và tiến độ xây dựng.

1. Sau khi hợp đồng mua, bán đã ký kết xong trên cơ sở giá mua căn hộ chung cư, giá nhận chuyển nhượng nền đất ở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt, bên mua sẽ thanh toán cho bên bán như sau:

a) Trường hợp nguồn căn hộ, nền đất nhận chuyển nhượng là căn hộ chung cư đã hoàn chỉnh và nền đất đã có hạ tầng kỹ thuật: mức thanh toán bằng 50% giá trị hợp đồng;

b) Trường hợp nguồn căn hộ, nền đất nhận chuyển nhượng không phải là căn hộ chung cư đã hoàn chỉnh và nền đất đã có hạ tầng kỹ thuật: mức thanh toán bằng 10% giá trị hợp đồng.

Sau khi công trình đã đúc xong đến mái (đối với căn hộ chung cư) hoặc san lấp mặt bằng và phân nền thô (đối với nền đất ở), bên mua sẽ thanh toán tiếp cho bên bán 40% giá trị hợp đồng.

2. Sau khi bàn giao xong căn hộ chung cư hoàn chỉnh hoặc nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật, chậm nhất là 30 ngày bên mua sẽ thanh toán tiếp 30% giá trị hợp đồng.

3. Số tiền 20% còn lại được thanh toán như sau:

a) Đối với nền đất ở: Khi bên bán bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, chậm nhất là 30 ngày bên mua thanh toán cho bên bán 15% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ thanh toán khi bên bán bàn giao toàn bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (nếu có) cho địa phương.

b) Đối với căn hộ chung cư: Khi bên bán bàn giao giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, chậm nhất 30 ngày bên mua sẽ thanh toán tiếp cho bên bán 15% giá trị hợp đồng, bên mua giữ lại 5% giá trị hợp đồng còn lại; Số tiền này sẽ được bên mua gửi tại ngân hàng để bảo hành công trình theo quy định hiện hành. Tiền bảo hành này được tính lãi suất tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khi hết thời gian bảo hành theo quy định hiện hành, bên bán sẽ nhận lại 5% giá trị hợp đồng còn lại và tiền lãi ngân hàng theo quy định {sau khi trừ các khoản chi phí bảo hành phát sinh thay cho bên bán (nếu có) theo quy định}. Trường hợp đặc biệt nếu bên bán có chứng thư bảo lãnh của ngân hàng cho toàn bộ giá trị và thời gian bảo hành của công trình thì bên bán được nhận 5% giá trị hợp đồng còn lại trước khi hết thời gian bảo hành”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau mười (10) ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung khác của Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

SỞ NỘI VỤ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 441/HD-SNV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2008

HƯỚNG DẪN

**Việc thực hiện Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008
của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn
thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện**

Thực hiện Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện theo Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ; sau khi tham khảo ý kiến của Ủy ban nhân dân các quận - huyện tại cuộc họp ngày 22 tháng 5 năm 2008, Sở Nội vụ hướng dẫn thực hiện tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện như sau:

I. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện được tổ chức thống nhất:

1. Phòng Nội vụ quận - huyện:

a) Sáp nhập Ban Tôn giáo quận - huyện và chuyển bộ phận làm công tác thi đua khen thưởng từ Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân vào Phòng Nội vụ;

b) Phòng Nội vụ có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện quản lý nhà nước về: Tổ chức; biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; cán bộ, công chức phường - xã - thị trấn; hội, tổ chức phi Chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua - khen thưởng.

Chức năng, nhiệm vụ được bổ sung gồm giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý nhà nước về: Cải cách hành chính; hội, tổ chức phi Chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua - khen thưởng.

2. Phòng Tư pháp quận - huyện:

Phòng Tư pháp có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; thi hành án dân sự; chứng thực; hộ tịch; trợ giúp pháp lý; hòa giải ở cơ sở và các công tác tư pháp khác.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện:

Phòng Tài chính - Kế hoạch có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện quản lý nhà nước về: Tài chính, tài sản; kế hoạch, đầu tư và tổng hợp.

Chức năng, nhiệm vụ được bổ sung: Tổng hợp.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện:

Phòng Tài nguyên và Môi trường có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện quản lý nhà nước về: Tài nguyên đất; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; khí tượng, thủy văn; đo đạc, bản đồ và các vấn đề về biển (đối với những địa phương có biển); vệ sinh môi trường; rác thải.

Chức năng, nhiệm vụ được bổ sung gồm giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý nhà nước về: Khí tượng, thủy văn; đo đạc, bản đồ và các vấn đề về biển (đối với những địa phương có biển).

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện:

a) Chuyển bộ phận làm công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em từ Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em vào Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện quản lý nhà nước về: Lao động; việc làm; dạy nghề; tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội; bình đẳng giới.

Chức năng, nhiệm vụ được bổ sung gồm giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về: Dạy nghề; bảo hiểm thất nghiệp; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới.

6. Phòng Văn hóa và Thông tin quận - huyện:

a) Chuyển bộ phận làm công tác gia đình từ Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em vào Phòng Văn hóa và Thông tin;

b) Phòng Văn hóa và Thông tin có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; bưu chính, viễn thông và Internet; công nghệ thông tin, hạ tầng thông tin; báo chí; xuất bản.

Chức năng, nhiệm vụ được bổ sung gồm giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về: Gia đình; du lịch; bưu chính, viễn thông và Internet; công nghệ thông tin, hạ tầng thông tin; phát thanh; báo chí; xuất bản.

7. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện:

a) Đổi tên Phòng Giáo dục thành Phòng Giáo dục và Đào tạo;

b) Phòng Giáo dục và Đào tạo có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thực hiện quản lý nhà nước về: Giáo dục và đào tạo, bao gồm: Mục tiêu, chương trình và nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

8. Phòng Y tế quận - huyện:

a) Chuyển bộ phận làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình từ Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em vào Phòng Y tế;

b) Phòng Y tế có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện quản lý nhà nước về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, gồm: Y tế cơ sở; y tế dự phòng; khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người; mỹ phẩm; vệ sinh an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; trang thiết bị y tế; dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Chức năng, nhiệm vụ được bổ sung gồm giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về: Dân số - kế hoạch hóa gia đình; bảo hiểm y tế.

9. Thanh tra quận - huyện:

Thanh tra quận - huyện có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận - huyện; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Chức năng, nhiệm vụ được bổ sung gồm giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về: Phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

10. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận - huyện:

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân có chức năng tham mưu tổng hợp cho Ủy ban nhân dân về hoạt động của Ủy ban nhân dân; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện về công tác dân tộc; tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân về chỉ đạo, điều hành; cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước ở địa phương; đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Ngoài 10 cơ quan chuyên môn được tổ chức thống nhất ở tất cả các quận - huyện nêu trên, các cơ quan chuyên môn được tổ chức theo đơn vị hành chính quận hoặc huyện như sau:

Ở các quận:**11. Phòng Kinh tế quận:**

Phòng Kinh tế có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước về tiểu thủ công nghiệp; khoa học và công nghệ; công nghiệp; thương mại; đăng ký kinh doanh, thống nhất quản lý kinh tế hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân.

12. Phòng Quản lý đô thị quận:

Phòng Quản lý đô thị có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước về kiến trúc; quy hoạch xây dựng; phát triển đô thị; nhà ở và công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; hạ tầng kỹ thuật đô thị (gồm: Cấp, thoát nước; công viên, cây xanh; chiếu sáng; bến, bãi đỗ xe đô thị); phòng chống thiên tai (lũ, lụt bão...).

Ở các huyện:**11. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện:**

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quản lý nhà nước về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn xã; phòng chống thiên tai (lũ, lụt, bão...).

12. Phòng Công Thương huyện:

Phòng Công Thương có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quản lý nhà nước về: Công nghiệp; tiểu thủ công nghiệp; thương mại; xây dựng;

phát triển đô thị; kiến trúc, quy hoạch xây dựng; vật liệu xây dựng; nhà ở và công sở; hạ tầng kỹ thuật đô thị (gồm: Cấp, thoát nước; công viên, cây xanh; chiếu sáng; bến, bãi đỗ xe đô thị); giao thông; khoa học và công nghệ; đăng ký kinh doanh; thống nhất quản lý kinh tế hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân.

Như vậy, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện được tổ chức theo Nghị định số 172/2004/NĐ-CP so với Nghị định số 14/2008/NĐ-CP:

- Cơ quan chuyên môn phải giải thể là Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em; Ban Tôn giáo.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng thực hiện chức năng được quy định tại Điều 7 Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ và các Thông tư liên tịch của Bộ - ngành liên quan và Hướng dẫn này.

- Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định: Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thành lập Thanh tra xây dựng quận, huyện và Thanh tra xây dựng xã, phường, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện không chịu sự điều chỉnh của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP và Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND.

II. Về tổ chức thực hiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo thực hiện các công việc cụ thể sau đây:

a) Giao Trưởng Phòng Nội vụ lập tờ trình, kèm theo dự thảo quyết định đề Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện ký ban hành quyết định thành lập, giải thể, điều chỉnh, bổ sung chức năng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Nội dung quyết định thành lập từng cơ quan chuyên môn cần thể hiện: Là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện có chức năng giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý nhà nước về: ..., có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu và tài khoản riêng theo quy định.

Đối với các đơn vị giải thể, chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, nhân lực, cơ sở vật chất trang thiết bị, cơ sở dữ liệu, chương trình công tác đang thực hiện cho các cơ quan chuyên môn mới thành lập và thực hiện quyết toán theo quy định.

b) Khi sáp nhập, chuyển giao chức năng, nhiệm vụ chuyển cả chỉ tiêu biên chế, nhân sự cho cơ quan mới tiếp nhận theo quyết định. Đối với các cơ quan có sự điều chỉnh, bổ sung chức năng, Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét bố trí biên chế hợp lý, theo yêu cầu công tác trong phạm vi biên chế hành chính đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao năm 2008.

c) Trong quá trình sắp xếp lại tổ chức và biên chế được áp dụng chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 132/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ (chính sách nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc, chuyển sang các cơ quan đơn vị không sử dụng biên chế và ngân sách nhà nước, bảo lưu chức vụ lãnh đạo theo quy định hiện hành).

2. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ quan chuyên môn:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện trình Ban Thường vụ Quận - Huyện ủy thông qua và quyết định bổ nhiệm Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng, người phụ trách công tác kế toán. Quyết định bổ nhiệm có ghi hệ số phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm theo quy định.

Số lượng Phó Trưởng phòng các cơ quan chuyên môn được bổ sung chức năng từ cơ quan giải thể, sáp nhập có thể vượt số quy định chung một người.

Khi các phòng có tư cách pháp nhân, thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính, nhất thiết phải xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định hiện hành.

3. Đối với các sở - ngành thành phố:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ và Điều 4 của Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nội vụ đề nghị các sở - ngành thành phố chuẩn bị xây dựng dự thảo quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động của từng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện (chú ý nội dung: cụ thể hóa hoặc đề xuất phân cấp, bổ sung về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện), khi có Thông tư hướng dẫn của các Bộ - ngành liên quan sẽ cập nhật hoàn thiện, tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định ban hành quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động của từng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nội vụ về sắp xếp tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc,

đề nghị Ủy ban nhân dân quận - huyện kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

GIÁM ĐỐC

Châu Minh Tỷ

HUYỆN HỌC MÔN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2008/CT-UBND

Hóc Môn, ngày 09 tháng 6 năm 2008

CHỈ THỊ

Về phối hợp thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện

- Trong thời gian vừa qua, các cơ quan chức năng đã tích cực phối hợp với Bảo hiểm Xã hội huyện Hóc Môn trong việc thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế đạt kết quả tốt.

- Tuy nhiên, trong thực tế vẫn xảy ra tình trạng việc thực hiện các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại một số doanh nghiệp (tập trung ở ngoài quốc doanh) chưa tốt, một số doanh nghiệp không đăng ký trích nộp bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp, khai giảm số lao động, giảm quỹ tiền lương để giảm nghĩa vụ nộp bảo hiểm xã hội; thậm chí có doanh nghiệp cố tình né tránh nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nhưng vẫn tính toán đủ vào chi phí... Vì vậy, không những ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi người lao động mà còn gây khó khăn cho việc tính thuế; kiểm tra; kiểm toán tài chính tại các đơn vị.

- Để kịp thời khắc phục tình trạng trên và nhằm tăng cường hơn nữa việc thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện theo tinh thần Chỉ thị số 37/CT-UB-NCVX ngày 12 tháng 11 năm 1997 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tăng cường thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội và Công văn số 624/UBND-VX ngày 25 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 14/2007/TTLT-BYT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2007, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn chỉ thị như sau:

1. Đối với Bảo hiểm Xã hội huyện Hóc Môn:

- Tiếp tục phối hợp các ngành có liên quan như: Liên đoàn Lao động, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Đài Truyền thanh Hóc Môn đẩy mạnh công tác tuyên

truyền để tất cả các cơ quan đơn vị trong khu vực hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp tư nhân, người lao động và nhân dân trên địa bàn huyện quán triệt, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế của Đảng, Nhà nước.

- Hướng dẫn cụ thể và đầy đủ các thủ tục bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế cho các đơn vị sử dụng lao động thực hiện tổ chức chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, thanh toán chi phí khám chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm y tế... kịp thời và đúng quy định.

- Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để tăng cường công tác kiểm tra, đề nghị xử lý các đơn vị sử dụng lao động vi phạm chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế ngay từ quý II/2008.

- Hàng quý, Bảo hiểm Xã hội huyện Hóc Môn lập phiếu trao đổi thông tin cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện những cơ quan, đơn vị cố tình né tránh, thực hiện chậm trễ chế độ trích nộp bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế đối với người lao động, để tham mưu Ủy ban nhân dân huyện có kế hoạch kiểm tra đối với các doanh nghiệp vi phạm pháp luật lao động.

- Tham mưu Thường trực Ủy ban nhân dân huyện soạn thảo các văn bản chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện; tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện bảo hiểm y tế tự nguyện và chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn cử người làm đại lý thu bảo hiểm y tế tự nguyện cho nhân dân tại địa phương; báo cáo công tác định kỳ hoặc đột xuất trong các kỳ họp giao ban của Ủy ban nhân dân huyện hoặc các kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện.

2. Phòng Nội vụ huyện:

Phối hợp với Bảo hiểm Xã hội huyện Hóc Môn rà soát và chốt lại danh sách cán bộ xã, thị trấn tham gia bảo hiểm xã hội.

3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thi hành Luật Lao động, thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế đối với người lao động, nhất là khu vực kinh tế ngoài quốc doanh trên địa bàn huyện Hóc Môn, kịp thời phát hiện những sai phạm và có biện pháp đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xử phạt các đơn vị sai phạm theo quy định của Chính phủ.

- Phối hợp với Liên đoàn Lao động huyện và các đơn vị có liên quan tăng cường

hướng dẫn, kiểm tra việc đăng ký sử dụng lao động, ký hợp đồng lao động, quỹ tiền lương và thực hiện tiền lương đối với các doanh nghiệp, ngăn chặn việc ký hợp đồng ngắn hạn sai quy định, ghi hợp đồng lao động sai thực tế để giảm phí nộp bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế.

- Hàng quý, lập phiếu trao đổi thông tin cho cơ quan Bảo hiểm Xã hội về số đơn vị và lao động đăng ký sử dụng lao động mới phát sinh trong quý, trên cơ sở đó Bảo hiểm Xã hội đối chiếu danh sách, nếu trong số đơn vị này chưa tiến hành đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế, Bảo hiểm Xã hội cử cán bộ đến tận đơn vị nhắc nhở buộc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế cho người lao động.

4. Phòng Kinh tế huyện:

Hàng quý, Phòng Kinh tế huyện cung cấp cho Bảo hiểm Xã hội huyện Hóc Môn danh sách các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tư nhân mới phát sinh để Bảo hiểm Xã hội huyện Hóc Môn mở rộng đối tượng thu bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội, Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

5. Chi cục Thuế huyện:

- Trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật về thuế, cơ quan thuế nhắc nhở các đơn vị thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội.

- Đối với những doanh nghiệp có văn bản tạm dừng nộp bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế do đơn vị phải tạm dừng hoạt động, cơ quan thuế có trách nhiệm xem xét, xác nhận thời gian đơn vị phải tạm dừng hoạt động. Trên cơ sở đó, cơ quan Bảo hiểm Xã hội huyện sẽ tạm hoãn thu bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế.

6. Liên đoàn Lao động huyện:

- Tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng trong công nhân, viên chức và người lao động hiểu được quyền lợi và nghĩa vụ của mình về chế độ bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế, về hợp đồng lao động, các quy định lập sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế cũng như thủ tục hồ sơ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội.

- Chi đạo Công đoàn cơ sở thực hiện chức năng giám sát việc thu 5% bảo hiểm xã hội, 1% bảo hiểm y tế trên tiền lương của người lao động và chi trả các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế... của doanh nghiệp, bảo đảm lập hồ sơ đúng thời gian và đúng chế độ theo quy định.

- Phối hợp và tham gia giải quyết các đơn khiếu nại, tố cáo và các tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hợp đồng lao động, tiền lương, tiền thưởng...

7. Bệnh viện huyện Hóc Môn:

- Bệnh viện Hóc Môn, các Trạm Y tế xã, thị trấn khám chữa bệnh cấp phiếu chứng nhận nghỉ ốm theo thẩm quyền để người lao động thanh toán trợ cấp ốm đau, thai sản đúng quy định, thủ tục nhanh gọn, thuận tiện cho người lao động.

- Bệnh viện Hóc Môn tổ chức khám chữa bệnh và điều trị cho người có thẻ bảo hiểm y tế theo chế độ hiện hành.

8. Phòng Giáo dục và Đào tạo: chỉ đạo các trường học chủ động tổ chức cho học sinh mua đầy đủ bảo hiểm y tế để có nguồn kinh phí cho hoạt động y tế học đường và chăm sóc sức khỏe ban đầu cũng như chăm lo sức khỏe toàn diện cho học sinh, thực hiện kể từ năm học 2008 - 2009.

9. Ủy ban nhân dân các xã và thị trấn:

- Kiểm tra, giám sát các đại lý thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội kịp thời, thanh toán đúng hạn; mở sổ sách theo dõi và quản lý chặt chẽ kinh phí bảo hiểm xã hội, không để xảy ra trường hợp gây thất thoát công quỹ.

- Chọn và cử người làm đại lý thu bảo hiểm y tế tự nguyện nhân dân. Phối hợp triển khai thực hiện chính sách bảo hiểm y tế tự nguyện nhân dân trên địa bàn.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Tiến

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng